

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 02/2022/DS – ST

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

- **Các hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Xuân Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Anh Phạm Hồng Tr**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- **Bị đơn:** **Chị Hà Thị Th**, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khu Đ, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn anh Phạm Hồng Tr trình bày:

Ngày 18/4/2020 (Âm lịch) tức ngày 10/5/2020 (Dương lịch), anh đã bán Lợn cho chị Hà Thị Th, số tiền chị Th phải trả cho anh là 23.000.000 VNĐ. Do chị Th chưa có tiền để trả, nên anh và chị Th thống nhất cùng nhau viết Giấy vay tiền để thể hiện nghĩa vụ trả tiền của chị Th đối với anh. Nội dung giấy, chị Th viết là chị Th vay của anh số tiền 23.000.000VNĐ, và hẹn đến ngày 18/11/2020 (Âm lịch) tức ngày 31/12/2020 (Dương lịch) thì chị Th trả đủ tiền cho anh. Hai bên thống nhất, tiền lãi theo thỏa thuận nhưng sau đó anh và chị Th không có thỏa thuận gì về tiền lãi. Đến ngày hẹn, chị Th không trả tiền cho anh mà đến ngày 30/12/2020 (Âm lịch) tức ngày 11/02/2021 (Dương

lich) chị Th mới trả cho anh 3.000.000 VNĐ nên số tiền chị Th còn nợ anh là 20.000.000VNĐ. Từ đó đến nay, chị Th không trả số tiền còn nợ cho anh.

Nay, anh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ “Vay tài sản” theo như Hợp đồng (Giấy vay tiền) mà chị Th và anh đã thống nhất với nhau. Đề nghị Tòa án buộc chị Th phải trả lại cho anh số tiền nợ gốc còn lại là 20.000.000 VNĐ. Ngoài ra, do chị Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh khi đến hạn, anh yêu cầu chị Th phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án anh Tr yêu cầu chị Th trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất là 1%/1 tháng. Tại phiên tòa, anh Tr yêu cầu chị Th trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất mà pháp luật quy định là 0,8%/01 tháng/số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả (từ ngày 31/12/2020 đến ngày xét xử 15/6/2022) với tổng số tiền cụ thể là: 2.833.600 VNĐ. Cụ thể:

+ Từ ngày 31/12/2020 đến ngày 11/02/2021 của số tiền gốc 23.000.000VNĐ là:
 $(23.000.000 \times 0,8\%) \times 01 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 257.600 \text{ VNĐ};$

+ Từ ngày 12/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/6/2022) của số tiền gốc 20.000.000VNĐ là: $(20.000.000.000 \times 0,8\%) \times 16 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 2.576.000 \text{ VNĐ};$

[2]. Phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị Th trình bày:

Chị xác nhận ngày 18/4/2020 (Âm lịch) tức ngày 10/5/2020 Dương lịch, chị có mua Lợn của anh Tr, còn nợ số tiền 23.000.000 VNĐ và hai bên thống nhất viết Giấy vay tiền để ghi nhận nghĩa vụ trả nợ của chị với anh Tr, như anh Tr trình bày là đúng. Nay anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo quan hệ “Hợp đồng vay tài sản” theo nội dung “Giấy vay tiền” giữa chị và anh Tr, chị đồng ý.

Về thực hiện nghĩa vụ trả tiền, chị thừa nhận lời trình bày của anh Tr là đúng. Nay anh Trung yêu cầu chị trả số tiền gốc còn nợ là 20.000.000 VNĐ, chị hoàn toàn đồng ý. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên chị chưa có tiền để trả cho anh Tr. Chị đề nghị anh Tr cho chị được trả dần. Về tiền lãi, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của anh Phạm Hồng Tr với chị Hà Thị Th. Buộc chị Hà Thị Th có trách nhiệm trả cho anh Tr tổng số tiền là 22.833.600 VNĐ (hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Trong đó: Tiền gốc là 20.000.000 VNĐ (hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 2.833.600 VNĐ (hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chị Hà Thị Th phải nộp 1.141.600 VNĐ (một triệu một trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Anh Phạm Hồng Tr có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ giải quyết tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” với chị Hà Thị Th có địa chỉ tại khu Đ, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Xét yêu cầu của anh Tr thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án anh Tr và chị Th đều thống nhất thừa nhận, số tiền 23.000.000 VNĐ được thể hiện trong Giấy vay tiền ngày 18/4/2020 (Âm lịch) tức ngày 10/5/2020 (Dương lịch) thực chất là số tiền chị Th còn nợ khi mua Lợn của anh Tr. Khi đó, để thể hiện rõ nhất cho nghĩa vụ trả nợ của chị Th đối với anh Tr nên hai bên đã thống nhất chuyển số tiền nợ do mua bán Lợn với nhau thành số tiền chị Th vay của anh Tr và cùng nhau ký kết Giấy vay tiền. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Tr và chị Th đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết theo quan hệ Vay tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của anh Tr và chị Th, giải quyết vụ án theo quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Về sự vắng mặt của chị Th, tại đơn đề nghị ngày 12/5/2022 chị Th đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử. Do đó, Tòa án đã xác định vụ án không hòa giải được nên quyết định đưa vụ án ra xét xử và xử vắng mặt chị Th theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Về hợp đồng vay tài sản:

Anh Phạm Hồng Tr và chị Hà Thị Th đều thống nhất xác định ngày 18/4/2020 (Âm lịch) tức ngày 10/5/2020 (Dương lịch), anh Tr và chị Th đã ký kết hợp đồng vay tài sản “Giấy vay tiền” là đúng.

Về số tiền gốc: Anh Tr và chị Th thống nhất, chị Th đã vay của anh Tr số tiền 23.000.000đ, thời hạn trả là ngày 28/11/2020 (Âm lịch) tức ngày 31/12/2020 (Dương lịch).

Về thỏa thuận lãi, anh Tr và chị Th đều thừa nhận theo Hợp đồng thì có giao kết là lãi suất do thỏa thuận nhưng sau đó, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa anh Tr và chị Th là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về vi phạm hợp đồng và yêu cầu của các đương sự.

Anh Tr và chị Th đều thừa nhận, khi đến thời hạn trả ngày 31/12/2020, chị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả tiền cho anh Tr theo như đã thỏa thuận, mà đến ngày 30/12/2020 (Âm lịch) tức ngày 11/02/2021 (Dương lịch) chị Th mới trả cho anh Tr 3.000.000 VNĐ. Anh Tr và chị Th đều thống nhất, số tiền chị Th còn nợ anh Tr là 20.000.000 VNĐ. Do chị Th chưa trả cho anh Tr, nên anh Tr yêu cầu chị Th phải hoàn trả là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị Th trình bày quan điểm xin được trả dần, xong anh Tr không đồng ý. Do đó, yêu cầu của chị Th không được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc chị Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Tr số tiền còn nợ là 20.000.000 VNĐ là phù hợp với khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Về tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Do đến thời hạn trả nợ cho anh Tr mà chị Th không trả nên anh Tr đề nghị Tòa án buộc chị Th phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức mà pháp luật quy định là 0,8%/1 tháng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th trình bày quan điểm đồng ý trả tiền lãi cho anh Tr theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4, Điều 466 thì *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật này”*.

Khoản 2 Điều 468 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Căn cứ vào quy định đã được viện dẫn nêu trên, xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa anh Tr và chị Th là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi nên yêu cầu của anh Tr là phù hợp, cần được chấp nhận. Chị Th phải có nghĩa vụ trả cho anh Tr tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% của lãi suất giới hạn (20%/1 năm) là 10%/1 năm của khoản tiền vay = 0,8%/1 tháng như yêu cầu của anh Tr là phù hợp. Cụ thể, số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày quá hạn ngày 31/12/2020 của số tiền 23.000.000 VNĐ đến ngày 11/02/2021 và từ ngày 12/02/2021 của số tiền 20.000.000 VNĐ đến ngày xét xử được xác định cụ thể như sau:

- + Từ ngày 31/12/2020 đến ngày 11/02/2021 của số tiền gốc 23.000.000VNĐ là: $(23.000.000 \times 0,8\%) \times 01 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 257.600 \text{ VNĐ}$;
- + Từ ngày 12/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/6/2022) của số tiền gốc 20.000.000VNĐ là: $(20.000.000.000 \times 0,8\%) \times 16 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 2.576.000 \text{ VNĐ}$;
- Tổng số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: là 2.833.600 VNĐ.

Như vậy, căn cứ vào những nhận định, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Tr, buộc chị Th có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc 20.000.000VNĐ và tiền lãi trên nợ gốc chưa trả tính đến ngày xét xử là: 2.833.600 VNĐ cho anh Tr là phù hợp .

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của anh Tr được chấp nhận.

[4]. Về nghĩa vụ thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, cùng với khoản tiền mà chị Th phải thanh toán cho anh Tr, thì chị Th còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án. Mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 317 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của anh Phạm Hồng Tr với chị Hà Thị Th.

Buộc chị Hà Thị Th có trách nhiệm trả cho anh Tr tổng số tiền là 22.833.600 VNĐ (hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Trong đó: Tiền gốc là

20.000.000 VNĐ (hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 2.833.600 VNĐ (hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Hà Thị Th phải nộp 1.141.600 VNĐ (một triệu một trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Phạm Hồng Tr 575.000 VNĐ (năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0007406 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Sơn;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS huyện Tân Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

+